

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
HƯỚNG CHUYÊN SÂU 1: CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM
HƯỚNG CHUYÊN SÂU 2: MẠNG VÀ HỆ THỐNG THÔNG TIN
HƯỚNG CHUYÊN SÂU 3: KHOA HỌC MÁY TÍNH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TH94092: HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ
(MANAGEMENT INFORMATION SYSTEMS)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 6
- Tín chỉ: **3 (Lý thuyết 2.5 – Thực hành 0.5 - Tự học: 9)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Học lý thuyết trên lớp: 37.5 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 7.5 tiết
- Tự học: 135 tiết (theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên)
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Mạng và Hệ thống thông tin
 - Khoa: Công nghệ Thông tin
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương □		Cơ sở ngành □		Chuyên sâu 1 □		Chuyên sâu 2 ☑		Chuyên sâu 3 □	
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☑	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □

- Học phần học song hành: Không.
- Học phần tiên quyết: TH9059: Cơ sở dữ liệu.
- Học phần tiên quyết: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh Tiếng Việt ☑
- **II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà học phần đáp ứng**
- *** Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:**

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Kiến thức chung	
CDR1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực Công nghệ thông tin.	1.2. Áp dụng kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội - pháp luật trong lĩnh vực Công nghệ thông tin.

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Kiến thức chuyên môn	
CĐR2. Phân tích được các vấn đề cơ bản về công nghệ liên quan đến xây dựng và vận hành hệ thống thông tin	2.2. Phân tích được các vấn đề cơ bản về công nghệ liên quan đến vận hành hệ thống thông tin.
Kỹ năng chung	
CĐR5. Vận dụng kỹ năng tư duy logic, kỹ năng phản biện và kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm vào giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Công nghệ thông tin	5.1. Vận dụng kỹ năng tư duy logic, kỹ năng phản biện để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Công nghệ thông tin.
CĐR6. Kết hợp các kỹ năng cơ bản để xây dựng và vận hành hệ thống thông tin.	6.2. Kết hợp các kỹ năng cơ bản để vận hành hệ thống thông tin
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR9. Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Có trách nhiệm đối với cá nhân và tập thể.	9.2. Có trách nhiệm đối với cá nhân và tập thể

III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của học phần

* Mục tiêu:

Học phần giúp sinh viên nắm được những kiến thức và kỹ năng xây dựng, khai thác, quản lý Hệ thống thông tin (HTTT), đặc biệt tập trung vào phần mềm quản lý Hệ thống thông tin cho các tổ chức doanh nghiệp. Với mục tiêu chung, sinh viên sau khi tốt nghiệp nắm vững kiến thức và thông thạo kỹ năng, có thể làm việc trong lĩnh vực quản lý Hệ thống thông tin.

* Kết quả học tập mong đợi của học phần:

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT				
		1.2	2.2	5.1	6.2	9.2
TH9409 2	Hệ thống thông tin quản lý	P	R	P	R	R

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	Chỉ báo CĐR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Giải thích các kiến thức cơ bản về Hệ thống thông tin: sự cần thiết; vai trò của HTTT; HTTT cộng tác; các HTTT trong doanh nghiệp như CRM, ERP hệ thống kinh doanh thông minh	1,2
K2	Phân tích các quy trình, nghiệp vụ phát triển HTTT, quản lý các HTTT	2.1
Kỹ năng		

K3	- Ứng dụng các kỹ thuật, công cụ hỗ trợ quản lý HTTT, sử dụng HTTT để tạo lợi thế cạnh tranh	5.1
K4	- Vận dụng tư duy hệ thống và sự hợp tác nhóm để có kỹ năng tiếp cận, giải quyết những vấn đề của môn học một cách dễ dàng hơn	5.1
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K5	- Hình thành khả năng làm việc độc lập, cần cù, sáng tạo, chính xác, tinh thần trách nhiệm, hợp tác cao khi giải quyết các vấn đề của môn học Hệ thống thông tin (thông thường những vấn đề này mô phỏng những vấn đề thực tế)	9.2

IV. Nội dung tóm tắt của học phần (Không quá 100 từ)

TH94092. Hệ thống thông tin quản lý (3TC: 2.5-0.5-9). Sự cần thiết và vai trò của Hệ thống thông tin quản lý (HTTTQL); Các Hệ thống thông tin (HTTT) cộng tác; Sử dụng HTTTQL để đạt được lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp; Phần cứng và phần mềm; Cơ sở dữ liệu; Mạng & truyền dữ liệu; HTTT trong doanh nghiệp; Hệ thống kinh doanh thông minh; Quy trình nghiệp vụ và phát triển HTTT; Quản lý các HTTT.

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết trình lý thuyết trên giảng đường, các nội dung lý thuyết có bài tập kết hợp với thực hành trên phòng máy tính.
- Kết hợp phương pháp dạy học trực tuyến trên các hệ thống hỗ trợ học tập trực tuyến.

2. Phương pháp học tập

- Nghe giảng thuyết trình.
- Tham gia thảo luận tại lớp hoặc trên hệ thống hỗ trợ học tập trực tuyến.
- Làm bài tập tại lớp hoặc trên hệ thống hỗ trợ học tập trực tuyến.
- Thực hành trên máy tính.

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Theo Quy định chung của Học viện.
 - Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần cần đọc trước giáo trình, bài giảng, sách tham khảo trước khi đến lớp hoặc trước khi học online.
 - Bài tập: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải hoàn thành ít nhất 70% lượng bài tập được giao.
 - Thi giữa kì: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia thi giữa kỳ.
 - Thi cuối kì: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia thi cuối kỳ.
- Nếu sinh viên bỏ thi giữa kỳ sẽ không được tham gia thi cuối kỳ.

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1: Kế hoạch đánh giá và trọng số

Rubric đánh giá	KQHTMĐ được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Đánh giá quá trình			

Rubric 1. Đánh giá chuyên cần (Tham dự lớp và thái độ tham gia)	K3, K4, K5	10	1-15
Rubric 2. Đánh giá giữa kỳ	K1	40	8-10
Đánh giá cuối kì (Lưu ý: tổng trọng số tối thiểu 50%)			
Rubric 3. Đánh giá cuối kỳ	K1, K2	50	Sau tuần thứ 15

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K1	Chỉ báo 1: Áp dụng các kiến thức cơ bản về Hệ thống thông tin: sự cần thiết; vai trò của HTTT; HTTT cộng tác; các HTTT trong doanh nghiệp như CRM, ERP hệ thống kinh doanh thông minh
K2	Chỉ báo 2: Phân tích được các qui trình nghiệp vụ trong HTTT áp dụng vào thực tế
K3	Chỉ báo 3: Vận dụng kỹ năng phản biện để đánh giá các giải pháp công nghệ thông tin liên quan đến nhiều lĩnh vực.
K4	Chỉ báo 4: Phân tích các vấn đề kỹ thuật phát sinh đối với các hệ thống thông tin.
K5	Chỉ báo 5: Làm việc độc lập, cần cù, sáng tạo, chính xác, tinh thần trách nhiệm, hợp tác cao khi giải quyết các vấn đề của môn học

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10	Khá 7,0-8,4	Trung bình 5,5-6,9	Yếu 4,0-5,4	Kém 0-3,9
Thái độ tham dự	30	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/ít tham gia	Không chú ý /Không tham gia
Thời gian tham dự	70	- Không được vắng quá thời gian quy định trong Quy định dạy và học				

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Nộp bài tập chậm: Tất cả các trường hợp nộp bài tập chậm đều không được chấp nhận

Tham dự các bài thi: Không tham gia bài thi sẽ nhận 0 điểm. Với bài thi giữa kỳ, nếu có lý do chính đáng được bố trí kiểm tra bù

Yêu cầu về đạo đức: Sinh viên phải có thái độ học tập nghiêm túc, phải đọc và chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo bài giảng/giáo trình/ các tài liệu tham khảo đã được giảng viên hướng dẫn, nghe giảng, ghi chép đầy đủ, tham gia tích cực vào các hoạt động trong giờ học, làm bài tập, thực hành theo yêu cầu của giảng viên

VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/Bài giảng:

- Trần Thị Song Minh (2019), *Hệ thống thông tin quản lý*, NXB Kinh tế quốc dân

* Tài liệu tham khảo khác:

- Lê Văn Phùng (2016), *Hệ thống thông tin quản lý*, NXB Thông tin và truyền thông.

- Nguyễn Văn Vy (2007), *Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý*, NXB Giáo dục.
- D. M. Kroenke (2014). *Experiencing MIS*, Pearson.
- K. Laudon & J. Laudon (2004), *Management Information Systems - Managing the Digital Firm*

IX. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
	Chương 1: Các khái niệm về hệ thống thông tin quản lý (MIS)	
1-2	A/ Các nội dung chính trên lớp: (6 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (5 tiết) 1.1. Khái niệm về hệ thống và hệ thống thông tin 1.2. Khái niệm quản lý và thông tin quản lý 1.3. Phân loại các hệ thống thông tin trong 1 tổ chức 1.4. Khái niệm MIS và các bộ phận hợp thành 1.5. Những vấn đề cơ bản liên quan đến quá trình phát triển một MIS	K1, K3, K4, K5
	1.6. Các bước phát triển một hệ thống 1.7. Quá trình thông tin trong hoạt động quản lý Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (3 tiết)	
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Làm bài tập trong giáo trình	
	Chương 2: Các nhân tố quan trọng của hệ thống thông tin quản lý	
3-4	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (5 tiết) 2.1. Phần cứng 2.2. Phần mềm 2.3. Hệ thống xử lý dữ liệu và mô hình dữ liệu 2.4. Nhân lực 2.5. Các nhân tố quản lý hệ thống Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (3 tiết)	K1, K3, K4, K5
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Làm bài tập trong giáo trình, thực hành trên máy tính	
5	Chương 3: Cơ sở dữ liệu-Hạt nhân của hệ thống thông tin	
	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (2 tiết) 3.1. Khái niệm về cơ sở dữ liệu quan hệ 3.2. Mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ 3.3. Quy trình thiết kế cơ sở dữ liệu Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (5 tiết)	K1, K3, K4, K5

	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Làm bài tập trong giáo trình	K1, K3, K4, K5
5-6	Chương 4: Phương pháp luận về phát triển một hệ thống thông tin quản lý	
	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (5 tiết) 4.1. Phương pháp tiếp cận hệ thống 4.2. Quan điểm vòng đời và phát triển MIS 4.3. Phương pháp mô hình hóa 4.4. Bản chất của việc phát triển MIS trong 1 tổ chức 4.5. Các kỹ nghệ phát triển MIS 4.6 Các mô hình phát triển MIS cơ bản nhất 4.7 Quá trình phát triển một MIS theo quan điểm vòng đời 4.8 Cách đánh giá tính hiệu quả của 1 MIS mới xây dựng Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (1 tiết)	K1, K3, K4, K5
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Làm bài tập trong giáo trình, thực hành trên máy tính	K1, K3, K4, K5
	Chương 5: Hệ thống thông tin quản lý hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	
6-7	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (5 tiết) 5.1. Khái niệm ERP và tầm quan trọng của ERP trong quản lý doanh nghiệp 5.2. Mô hình hệ thống thông tin của doanh nghiệp và cấu trúc của một ERP 5.3. Quy trình phát triển ERP và các nguyên tắc thiết kế 5.4. Phân hệ tài chính kế toán 5.5. Phân hệ quản lý tài sản cố định 5.6. Phân hệ quản lý hậu cần 5.7. Phân hệ quản lý sản xuất 5.8. Phân hệ quản lý dự án 5.9. Phân hệ quản lý dịch vụ 5.10 Hướng dẫn quy trình phát triển mô hình quan hệ giữa các thực thể trong các phân hệ của ERP Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (1 tiết)	K1, K3, K4, K5
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Làm bài tập trong giáo trình và thực hành trên máy tính	K1, K3, K4, K5
	Chương 6: Hệ thống thông tin quản lý quan hệ khách hàng	
	A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (5 tiết) 6.1. Khái niệm CRM và tầm quan trọng của CRM trong quản lý doanh nghiệp	K1, K3, K4, K5

6.2. Các nhiệm vụ của CRM 6.3. Mô hình hoạt động CRM 6.4. Các yêu cầu về qui trình nghiệp vụ 6.5. Phân tích các qui trình luân chuyển chứng từ 6.6. Các chức năng chính 6.7. Các mô hình hệ thống Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (1 tiết)	
B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Làm bài tập trong giáo trình, thực hành trên máy tính	K1, K3, K4, K5
B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết) Làm bài tập trong giáo trình	K1, K3, K4, K5

X. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, bảng viết
- Phòng thực hành các máy tính có kết nối mạng Internet, có hệ thống E-learning
- Các phương tiện khác: Loa trợ giảng
- E-learning: phần mềm dạy trực tuyến (MS Teams...), máy tính, hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet với băng thông đáp ứng nhu cầu người dùng, không để xảy ra nghẽn mạng hay quá tải. Phòng học trực tuyến đầy đủ ánh sáng, cách âm tốt, thông thoáng, ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.

P. TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thảo

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Quang Dũng

Phạm Quang Dũng

Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2024.
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Phú Đan

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Lan	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn MHTTT, Khoa CNTT, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0979430884
Email: ngtlan@vnua.edu.vn	
Cách liên lạc với giảng viên: qua email	

CÁC LẦN CẢI TIẾN ĐỀ CƯƠNG: (5 lần gần nhất)

- Lần 1: 03/2020
 - Bổ sung phương pháp giảng dạy và học tập, nhiệm vụ của sinh viên, phương pháp đánh giá để phù hợp với việc triển khai dạy và học theo hình thức trực tuyến khi có dịch Covid-19.
- Lần 2: 07/2021
 - Rà soát và cập nhật nội dung kiến thức học phần, rà soát tài liệu tham khảo
- Lần 3: 07/2022
 - Rà soát và cập nhật tài liệu tham khảo
- Lần 4: 07/2023
 - Rà soát và cập nhật mức đóng góp của học phần theo Chuẩn đầu ra và ma trận IPRM mới.
 - Rà soát và cập nhật tài liệu tham khảo.
 - Rà soát và cập nhật nội dung học phần, bài giảng theo tài liệu mới.
- Lần 5: 7/2024:
 - Chính sửa mức đóng góp của học phần theo chuẩn đầu ra mới (T7/2024)

